TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **30/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/8/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Vũ Xuân Dự
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:***bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986; ĐKHKTT: xóm 15, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 11, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983; ĐKHKTT và trú tại: xóm 15, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị Ttrong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 15, xã Q, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con; ngoài ra anh nghiện rượu và phụ thuộc vào rượu; mỗi khi uống rượu kiếm cớ chửi bới, đánh đập chị, bạo hành cả về thể xác lẫn tinh thần chị .Chị và gia đình hai bên đã khuyên giải và cho anh H nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả.Tháng 9 năm 2019 vì không chịu đựng thêm được nữa chị T đã đưa các con về nhà mẹ đẻ tại xóm 11, xã Đ để sinh sống, ly thân

với anh H. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thúy H1 sinh ngày 23/9/2006 và Hoàng Thị Thúy N sinh ngày 06/6/2010, hiện đang ở với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung,yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Hoàng Văn H trong quátrình giải quyết trình bày:anh xác nhận anh và chị T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Đ năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị sống tại xóm 15, xã Q.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo anh nguyên nhân là do chị T tự ý mấy lần đưa các con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh nhiều lần sang nói chuyện để đưa mẹ con về; đến tháng 9/2019 chị T lại đưa các con về nhà mẹ đẻ ở xóm 11, xã Đ ở từ đó đến nay không về. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái; trường hợp chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì tùy chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thúy H1 sinh ngày 23/9/2006 và Hoàng Thị Thúy N sinh ngày 06/6/2010, hiện đang ở với chị T;Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: anh không có yêu cầu hay quan điểm về nội dung này.

Các con chung là Hoàng Thúy H1 và Hoàng Thị Thúy N khi được hỏi ý kiến thì cả hai cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Hoàng Văn H ; Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Hoàng Thúy H1 sinh ngày 23/9/2006 và Hoàng Thị Thúy N sinh ngày 06/6/2010đến khi thành niên. Anh H có trách nhiệm hàng tháng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi cháu là 1 triệu đồng/ tháng/ 1 con, cả hai cháu là 2 triệu đồng/ tháng / 2 con; Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ THị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Hoàng Văn H, cư trú

tại xóm 15, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2005là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị T xác địnhnguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con; ngoài ra còn nghiện rượu và phụ thuộc vào rượu; mỗi khi uống rượu kiếm cớ bạo hành cả về thể xác lẫn tinh thần chị . Mâu thuẫn vợ chồng đã được chị và gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, bản thân anh H cũng xin lỗi hứa sẽ thay đổi và mong muốn chị quay về, nên chị đã tha thứ và về sống với anh H nhiều lần. Nhưng khi về tiếp tục sống chung thì anh H không hề thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị.Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần nhiều năm naycũng như việc khuyên giảikhông có kết quả ; vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ lần cuối cùng là từ tháng 9 năm 2019.

Về phía anh anh H thì xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T tự ý mấy lần đưa các con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh phải nhiều lần sang nói chuyện để đưa mẹ con về; đến tháng 9/2019 chị T lại đưa các con về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay không về; Anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái

Căn cứ chứng cứ của chị T cung cấp là xác nhận của xóm 15, xã Q và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại UBND xã Q là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương, cán bộ phụ trách xóm xác nhận trong cuộc sống chung, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫnmà nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị T; do bị chửi bới, đánh đập nên chị T nhiều lần đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn của anh chị chưa yêu cầu Đoàn thể địa phương hòa giải; nhưng gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ và bản thân anh H cũng nhận lỗi, mong chị T tha thứ và hứa sẽ thay đổi nên chị T đã về sinh sống cùng anh H nhiều lần. Nhưng khi về sống cùng thì anh H không thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu và chửi bới, đánh đập chị T; hông chịu đựng được chị T lại bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 9/2019 sống ly thân anh H từ đó đến nay.

Bản thân anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụnhưng thực tế Tòa án đã tạo điều kiện cho cả hai bên có thời gian tự hòa giải và tiến hành hòa giải tại Tòa án, anh H cũng không có biện pháp, cam kết cụ thể nào nhằm khắc phục khuyết điểm của bản thân, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ, có ý bỏ mặc.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định; mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh H và chị T xuất phát từ việc anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè mất kiểm soát về chửi bới, đánh đập chị T do bị bạo

hành về thể xác và tinh thần nên chị T nhiều lần sống ly thân với anh H; mâu thuẫn kéo dài mặc dù hai bên gia đình cùng chị T đã tìm mọi cách khắc phục nhưng không giải quyết được; dẫn đến tình trạng hôn nhân của chị T và anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn với anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :Chị Vũ Thị T và anh Hoàng Văn H đều xác định vợ chồng 02 con chung là HoàngThúy H1 sinh ngày 23/9/2006 và Hoàng Thị Thúy N sinh ngày 06/6/2010, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T nhận nuôi cả hai con và yêu cầu anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Còn phía anh hợp nhận nuôi các con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét thấy cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung, thực tế cả hai cháu hiện đang ở với chị T; hai cháu đều là con gái,rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ,và khi Tòa án hỏi ý kiến đều có nguyện vọng ở với mẹ. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con đều do chị T dậy dỗ, chăm sóc. Bên cạnh đó chị T lại có công ăn việc làm thu nhập ổn định nên giao con cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc là hợp lý.

Anh H lao động tự do nhưng không chịu tham gia lao động lạm dụng, thường xuyên uống rượu nên việc giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là không thể đảm bảo việc các cháu phát triển lành mạnh và đảm bảo được cuộc sống thường ngày cả về mặt tinh thần lẫn thể chất.

Về yêu cầu cấp dưỡng của chị T đối với anh H HĐXX thấy rằng căn cứ xác nhận thu thập của chị T do Công ty TNHH MTV Marter Vina cung cấp chỉ có 3.328.000đ/ tháng. Hai cháu đang tuổi lớn chi phí nuôi dưỡng các cháu là tương đối lớn mới đảm bảo cho hai cháu phát triển bình thường được; Vì vậy cần buộc anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là phù hợp xét mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T đối với anh H là phù hợp. Thực tế anh H chỉ là lao động phổ thông và xác minh tại địa phương thu nhập không xác định được mức cấp dưỡng anh H phải đóng góp chính xác; Nhưng căn cứ mức thu nhập trung bình của lao động tự do tại địa phương thì yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp cần được chấp nhận.

Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao chị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thúy H1 và Hoàng Thị Thúy N đến khi thành niên;anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T hàng tháng mỗi cháu là 1 triệu đồng/ tháng/ 1 cháu, cả hai cháu là 2 triệu đồng/ tháng/ 2 cháu.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Hoàng Văn H đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 chấp nhận đề nghị của chị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Hoàng Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là HoàngThúy H1 sinh ngày 23/9/2006 và Hoàng Thị Thúy N sinh ngày 06/6/2010đến khi thành niên.

Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000 đồng hàng tháng cụ thể: cháu Hoàng Thúy H1 là 1.000.000 đ/ tháng kể từ tháng 9/2020 đến khi thành niên, cháu Hoàng Thị Thúy N là 1.000.000 đ/ tháng kể từ tháng 9/2020 đến khi thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2347 ngày 02/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh